TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 - THANH HOÁ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 124/2026/HNGĐ-ST	
Ngày: 06 - 08 - 2026	
V/v Ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chung Thị Đài

Bà Phạm Thị Duyên

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Tú - Thư ký Toà án nhân thành khu vực 1 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Không.

Ngày 06 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 1 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1034/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1029/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị T, sinh năm 1991

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn V, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038191003971

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1982

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn Đ, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038082039381

Tại phiên toà có mặt chị T, vắng mặt anh H, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đàm Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Tôi và anh Lê Văn H kết hôn tự nguyện, có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ), tỉnh Thanh Hoa vào ngày 19/4/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù, thường xuyên cãi nhau, sống không có hạnh phúc nên đến tháng 6/2024 vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi xin được ly hôn anh Lê Văn H.

- *Về con chung:* Tôi và anh Lê Văn H không có con chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành việc tống đạt các văn bản thông báo triệu tập hợp lệ anh Lê Văn H để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T và tham gia phiên toà. nhưng anh H không có mặt nên không có lời khai của anh H và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đàm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn H nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Văn H có nơi cư trú tại số nhà Thôn Đ, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Văn H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh H lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh H.

[4] Về hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh H lên làm việc để anh H được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh H đều không có mặt, thể hiện anh H không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị T, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh H.

[5] Về con cái: Chị T và anh H không có con chung nên miễn xét.

[6] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con cái: Chị Đàm Thị T và anh Lê Văn H không có con chung.

3. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002276 ngày 26/03/2026, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh H. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự..

Nơi nhận:
- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hoá.
- VKSND kv1 Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- UBND phường Đông Sơn;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

TAND KHU VỰC 1
WQ0060826.TL.QDBA
1986